

Số: 293 /QĐ-CDNTVB

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năm 2026

Trình độ Trung cấp - đợt 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 của Trường CD VHNT Việt Bắc;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-CDNTVB ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2026 của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc;

Căn cứ vào kết quả họp Hội đồng tuyển sinh ngày 01/06/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 345 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năm 2026, đợt 1, trình độ trung cấp tại Trường CD VHNT Việt Bắc gồm các ngành sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số thí sinh trúng tuyển
1.	Thanh nhạc	5210225	19
2.	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	61
3.	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	22
4.	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	5210217	06
5.	Piano	5210221	06
6.	Organ	5210224	06
7.	Violon	5210223	01



TT	Tên ngành	Mã ngành	Số thí sinh trúng tuyển
8.	Hội họa	5210103	59
9.	Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính	5480212	42
10.	Văn hóa, văn nghệ quần chúng	5210236	43
11.	Nghệ thuật biểu diễn dân ca	5210202	30
12.	Biên tập và Dàn dựng ca, múa, nhạc	5210229	17
13.	Hướng dẫn du lịch	5810103	33
		Tổng:	345

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển có quyền lợi và trách nhiệm được quy định tại quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc.

Điều 3. Trưởng phòng ĐT, QLKH&ĐBCLGD, Trưởng phòng HCTH, Trưởng phòng CTHSSV, Trưởng các khoa chuyên môn và các thí sinh có tên tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐKĐ, ĐAT.9.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Quang Hưng



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Thanh Nhạc - Mã ngành : 5210225

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Điểm Thanh Nhạc	Tổng điểm	TT
1	TN50001	Hà Bảo Trâm	10/10/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
2	TN50002	Lãnh Thị Hoa Lâm	13/08/2010	Tày	Nữ	Tỉnh Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
3	TN50003	Nguyễn Quang Vinh	25/9/2011		Nam	Phục Hòa, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
4	TN50004	Ban Thu Trang	08/03/2011	Tày	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
5	TN50005	Lục Hoàng Nhi	24/11/2012	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
6	TN50006	Hoàng Khánh Ly	26/03/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
7	TN50007	Lưu Thị Đông Nhi	27/01/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
8	TN50008	Nguyễn Tiến Tuệ	05/01/2009	Nùng	Nam	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	7,0	6,5	13,5	TT
9	TN50009	Nguyễn Thị Mỹ Anh	18/08/2012	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
10	TN50010	Nguyễn Thị Khánh Huyền	08/01/2011		Nữ	Vị Xuyên, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
11	TN50011	Lềng Thảo Vi	19/09/2012	Tày	Nữ	Chiêm Hóa, Tuyên Quang	6,5	6,5	13,0	TT
12	TN50012	Vũ Trọng Nhân	17/01/2010	Dao	Nam	Tô Hiệu, Sơn La.	7,0	7,0	14,0	TT
13	TN50013	Nguyễn Tuấn Dũng	29/01/2012	Tày	Nam	Đại Phúc, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
14	TN50014	Nguyễn Thùy Dương	15/04/2011	Kinh	Nữ	Tích Lương, Thái Nguyên	7,5	7,5	15,0	TT
15	TN50015	Đàm Minh Ngọc	01/04/2012	Kinh	Nữ	Sóc Sơn, Hà Nội	6,5	6,5	13,0	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Họ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Điểm Thanh Nhạc	Tổng điểm	Trúng tuyển
16	TN50016	Nguyễn Thị Mai Trang	24/10/2011	Sán Dìu	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
17	TN50017	Phạm Thị Bảo Ngọc	12/09/2012	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
18	TN50018	Đặng Thu Giang	27/09/2012	Tày	Nữ	Tân Long, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
19	TN50019	Nguyễn Ngọc Trà My	06/01/2012	Tày	Nữ	Quyết Thắng, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU

THƯ KÝ

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH







Đặng Anh Tú

Nguyễn Thị Yên Nga

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Nghệ Thuật Biểu Diễn Múa Dân Gian Dân Tộc - Mã ngành : 5210207

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Điểm năng khiếu âm nhạc	Năng khiếu múa	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	MU50001	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/11/2007	Kinh	Nữ	Võ Cường, Bắc Ninh	6,5	7,0	13,5	TT
2	MU50002	Phan Thị Ngọc Ánh	22/10/2003	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
3	MU50003	Nguyễn Lan Thương	28/05/2012	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
4	MU50004	Hoàng Xuân Bắc	05/9/2008	Dao	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
5	MU50005	La Thị Ngọc Hà	15/03/2011	Nùng	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
6	MU50006	Ma Thị Trà My	16/02/2011	Tày	Nữ	Yên Phong, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
7	MU50007	Vi Giá Linh	13/08/2011	Tày	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
8	MU50008	Hầu Xuân Hình	14/8/2011	Mông	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
9	MU50009	Bạch Như Tuyết	10/11/2011	Thái	Nữ	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
10	MU50010	Lâm Tâm Như	31/8/2011	Nùng	Nữ	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
11	MU50011	Lê Thị Kim Ngân	16/02/2011	Dao	Nữ	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
12	MU50012	Nguyễn Mạnh Quân	18/9/2011	Kinh	Nam	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
13	MU50013	Triệu Trương Hoàng Vy	05/03/2011	Dao	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
14	MU50014	Hoàng Thị Mái	21/5/2011	Mông	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
15	MU50015	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	05/05/2010	Dao	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT
16	MU50016	Hoàng Thanh Trúc	17/04/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
17	MU50017	Hà Ngọc Xuyên	17/02/2011	Dao	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
18	MU50018	Hoàng Thị Thanh Trà	27/01/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
19	MU50019	Lý Triệu Vy	01/02/2011	Dao	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
20	MU50020	Triệu Phương Thảo	03/11/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
21	MU50021	Ngân Gia Hân	27/9/2012	Tày	Nữ	Nà Phắc, tỉnh Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Điểm năng khiếu âm nhạc	Năng khiếu múa	Tổng điểm	Trúng tuyển
22	MU50022	Bùi Thanh Trúc	22/08/2011	Kinh	Nữ	Hiệp Lực, tỉnh Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
23	MU50023	Mạc Minh Hà	31/05/2011	Tày	Nữ	Hiệp Lực, tỉnh Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
24	MU50024	Hoàng Minh Thư	26/08/2011	Tày	Nữ	Nùng Trí Cao, Cao Bằng	6,0	7,5	13,5	TT
25	MU50025	Nguyễn Châu Anh	04/11/2012	Kinh	Nữ	Thục Phán, Cao Bằng	6,0	7,5	13,5	TT
26	MU50026	Đàm Hương Giang	11/11/2011	Nùng	Nữ	Bé Văn Đàn, Cao Bằng	6,0	7,0	13,0	TT
27	MU50027	Nông Thị Bích Hồng	02/02/2011	Nùng	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
28	MU50028	Vương Thị Huyền Trang	08/12/2011	Nùng	Nữ	Bé Văn Đàn, Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
29	MU50029	Nguyễn Ngọc Trâm	04/01/2009	Kinh	Nữ	ông Hưng, tỉnh Hưng Yên	6,0	7,5	13,5	TT
30	MU50030	Nguyễn Thị Hương Giang	31/01/2011	Kinh	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
31	MU50031	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	04/03/2011	Nùng	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
32	MU50032	Hà Thanh Mai	27/07/2011	Nùng	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
33	MU50033	Lù Thị Thân	28/08/2011	Giáy	Nữ	Hà Giang, Tuyên Quang	6,0	7,0	13,0	TT
34	MU50034	Lý Thị Mai Nhung	06/01/2011	Dao	Nữ	Vĩnh Thông, Thái Nguyên	6,5	8,0	14,5	TT
35	MU50035	Cô Thị Tuyên	17/06/2011	Lô Lô	Nữ	Bảo Lạc, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
36	MU50036	Nguyễn Mai Đan	15/10/2011	Kinh	Nữ	Quyết Thắng, Thái Nguyên	7,0	8,0	15,0	TT
37	MU50037	Nguyễn Thanh Bình	29/09/2012	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
38	MU50038	Giáp Hồng Nhung	17/01/2009	Nùng	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT
39	MU50039	Nguyễn Khánh Hà	13/11/2009	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
40	MU50040	Nguyễn Thanh Thảo	27/10/2011	Kinh	Nữ	Quán Triều, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
41	MU50041	Sùng Thị Dừa	03/02/2011	Mông	Nữ	Tủa Chùa, Điện Biên	6,5	7,0	13,5	TT
42	MU50042	Cầm Văn Tiến	02/5/2009	Thái	Nam	Thuận Châu, Sơn La	6,5	7,0	13,5	TT
43	MU50043	Triệu Thị Mai	24/12/2008	Dao Đỏ	Nữ	Tiên Nguyên, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
44	MU50044	Đào Dương Như Quỳnh	11/06/2012	Kinh	Nữ	Quan Triều, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Điểm năng khiếu âm nhạc	Năng khiếu múa	Tổng điểm	Trúng tuyển
45	MU50045	Đào Lương Mạnh	14/07/2012	Tày	Nam	Yên Sơn, Tuyên Quang	6,5	7,5	14,0	TT
46	MU50046	Trương Khánh Chi	04/02/2008	Mường	Nữ	Nà Phặc, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
47	MU50047	Nguyễn Khánh Ngân	14/07/2012	Kinh	Nữ	Bách Quang, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
48	MU50048	Tạ Thị Minh Ngọc	03/8/2012	Mường	Nữ	Quyết Thắng, Thái Nguyên	7,0	6,5	13,5	TT
49	MU50049	Phạm Hà Anh	02/12/2012	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
50	MU50050	Đặng Thị Hà My	05/12/2008	Sán Dìu	Nam	Linh Sơn, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT
51	MU50051	Vũ Mai Trang	06/12/2011	Tày	Nữ	Trung Hội, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT
52	MU50052	Trần Hà Châu	14/05/2009	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
53	MU50053	Ngô Trọng Chiến	29/08/2006	Kinh	Nam	Tích Lương, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
54	MU50054	Đinh Thu Phương	04/11/2011	Nùng	Nữ	Bách Quang, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
55	MU50055	Bùi Ngân Thương	03/03/2011	Kinh	Nữ	Hà Giang 2, Tuyên Quang	6,0	6,5	12,5	TT
56	MU50056	Đào Minh Nhật	07/01/2012	Tày	Nữ	Bảo Lạc, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
57	MU50057	Định Thị Minh Hoa	22/10/2011	Kinh	Nữ	Đức Xuân, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
58	MU50058	Đặng Hải Anh	07/08/2011	Dao	Nữ	Phủ Thông, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
59	MU50059	Quan Hiếu Hoa	05/12/2011	Tày	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
60	MU50060	Lê Trà My	16/10/2011	Kinh	Nữ	Bách Quang, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
61	MU50061	Hà Thu Oanh	03/01/2010	Nùng	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,5	7,0	13,5	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Biểu Diễn Nhạc Cụ Truyền Thống - Mã ngành : 5210216

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trung tuyển
1	TT50001	Vy Việt Anh	15/11/2011	Tày	Nam	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
2	TT50002	Triệu Đăng Minh	18/7/2011	Dao	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
3	TT50003	Triệu Dư Phương	18/11/2011	Dao	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
4	TT50004	Vừ Thị Hiền	22/10/2011	Mông	Nữ	Khang Ninh, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
5	TT50005	Hoàng Thị Dương	08/07/2011	Mông	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
6	TT50006	Nông Hoàng Yến	26/4/2011	Tày	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
7	TT50007	Dương Thị Hương	15/6/2012	Mông	Nữ	Nà Phặc, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
8	TT50008	Dương Hồng Sơn	10/10/2010	Mông	Nam	Thượng Quan, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
9	TT50009	Đoàn Ngọc Mạnh	28/10/2011	Tày	Nam	Đề Thám 5, Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
10	TT50010	Dương Huyền Trang	15/9/2012	Nùng	Nữ	Hòa Chung, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
11	TT50011	Đàm Trúc Mai Anh	20/10/2012	Mường	Nữ	Tân Giang, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
12	TT50012	Bùi Nguyễn Bảo Lam	20/09/2011	Kinh	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,5	6,0	12,5	TT
13	TT50013	Ma Thị Tường Vy	07/10/2012	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
14	TT50014	Hoàng Thị Tuyết Mai	28/6/2012	Tày	Nữ	Đoài Dương, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
15	TT50015	Dương Thị Trang	13/03/2012	Tày	Nữ	Ngã ba Pò Tấu, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
16	TT50016	Đàm Thị Kiều Oanh	21/08/2011	Nùng	Nữ	Bé Văn Đàn, Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
17	TT50017	Triệu Sinh Liên	02/04/2011	Dao	Nam	Võ Nai, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
18	TT50018	Sầm Văn Sang	31/01/2011	Nùng	Nam	Dân Tiến, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
19	TT50019	Vũ Thủy Quân	16/9/2012	Kinh	Nam	P. Gia Sàng, tỉnh TN	6,5	6,5	13,0	TT
20	TT50020	Nguyễn Hoàng Bảo Châm	15/11/2012	Kinh	Nữ	Quan Triều, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
21	TT50021	Phạm Thị Ngọc Minh	21/07/2012	Tày	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
22	TT50022	Lê Hồng Anh	26/12/2012	Kinh	Nữ	Tích Lương, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU

THỦ KÝ

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đặng Anh Tú



Nguyễn Thị Yên Nga



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Biểu Diễn Nhạc Cụ Phương Tây - Mã ngành : 5210217

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	PT500001	Lục Minh Kiệt	09/03/2011	Hoa	Nam	Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
2	PT500002	Cháng A Bình	08/07/2011	Mông	Nam	Si Pa Phìn, Điện Biên	7,0	7,0	14,0	TT
3	PT500003	Nguyễn Hoàng Châu Anh	11/10/2012	Tày	Nữ	Phan Đình phùng, Thái Nguyên	7,5	7,5	15,0	TT
4	PT500004	Lý Văn Phước Vĩnh	15/11/2011	Dao	Nam	Tân Tri, Lạng Sơn	7,0	6,5	13,5	TT
5	PT500005	Nguyễn Thiên Trung	30/03/2012	Kinh	Nam	Linh Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
6	PT500006	Trương Tam Phong	05/10/2011	Mông	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT

LẬP BIỂU

(Signature)

Đặng Anh Tú

THƯ KÝ

(Signature)

Nguyễn Thị Yên Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Piano - Mã ngành : 5210221

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	PI500001	Phạm Bảo Phúc	15/07/2012	Kinh	Nam	Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh	7,5	7,0	14,5	TT
2	PI500002	Nguyễn Ngọc Anh	23/08/ 2011	Kinh	Nữ	Linh Sơn, Tỉnh Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
3	PI500003	Phan Minh Lâm	03/07/2012	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,5	7,0	14,5	TT
4	PI500004	Phạm Nguyệt Linh	21/12/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	6,5	13,5	TT
5	PI500005	Nguyễn Lê Bảo Châm	24/06/2012	Kinh	Nữ	Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang	7,0	6,5	13,5	TT
6	PI500006	Nguyễn Huy Giang	24/10/2012	Kinh	Nam	Quang Triều, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

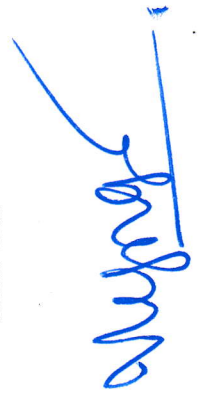
LẬP BIỂU

THƯ KÝ

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đặng Anh Tú



Nguyễn Thị Yến Nga



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Organ - Mã ngành : 5210224

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	OR500001	Nguyễn Minh Tâm	26/5/2011	Cao Lan	Nữ	La Hiên, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
2	OR500002	Vừ A Hà	16/11/2010	Mông	Nam	Xã Hồng Thu, Lai Châu	6,5	6,5	13,0	TT
3	OR500003	Thân Ngọc Tâm	07/08/2012	Kinh	Nam	Long Biên, Hà Nội	7,0	6,5	13,5	TT
4	OR500004	Nguyễn Ôn Phước	09/12/2011	Kinh	Nam	Vạn Xuân, Thái Nguyên	7,0	6,5	13,5	TT
5	OR500005	Trần Hưng Đạo	08/09/2011	Kinh	Nam	Tân Long, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
6	OR500006	Chánh A Phình	20/05/2011	Mông	Nam	Sì Pa Phìn, Điện Biên	6,5	7,0	13,5	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
Ngành : Violon - Mã ngành : 5210223

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	VI50001	Dương Gia Linh	09/7/2010	Kinh	Nữ	Phú Bình, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ

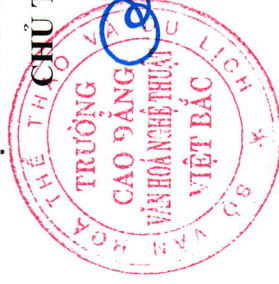


Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Hội Họa - Mã ngành : 5210103

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Hình họa	Bố cục	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	HH50001	Lý Thị Quỳnh Như	05/03/2011	Dao	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
2	HH50002	Hoàng Vy Tân	26/12/2011	Tày	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,5	6,0	11,5	TT
3	HH50003	Nông Triệu Khánh Linh	17/9/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
4	HH50004	Nguyễn Hải Bằng	13/04/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	5,5	12,0	TT
5	HH50005	Lương Ngọc Diệp	28/10/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	5,0	11,0	TT
6	HH50006	Ma Ni Na	14/9/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
7	HH50007	Hà Thu Hương	15/8/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,0	6,0	11,0	TT
8	HH50008	Hoàng Mai Loan	03/10/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,5	5,0	10,5	TT
9	HH50010	La Thanh Trúc	29/5/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	5,0	6,0	11,0	TT
10	HH50015	Triệu Khánh Thiên	06/07/2011	Tày	Nam	Đông Lạc, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
11	HH50020	Nguyễn Triệu Bốn	25/04/2011	Tày	Nam	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,0	5,0	11,0	TT
12	HH50027	Giá Triệu Vy	18/9/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
13	HH50028	Luyện Quỳnh Dương	05/11/2011	Kinh	Nữ	Tích Lương, Thái Nguyên	7,0	6,0	13,0	TT
14	HH50029	Bàn Hữu Bằng	13/11/2011	Dao	Nam	Hiệp Lực, Thái Nguyên	5,5	7,0	12,5	TT
15	HH50030	Hoàng Thị Ngọc Duyên	19/11/2011	Mông	Nữ	Nà Phặc, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
16	HH50031	Trịnh Thanh Trúc	19/10/2011	Tày	Nữ	Vân Tùng, Thái Nguyên	7,0	5,0	12,0	TT
17	HH50032	Nông Sơn Trà	13/02/2011	Nùng	Nữ	Hiệp Lực, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
18	HH50033	Đặng Tiệp	16/04/2011	Dao	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
19	HH50034	Vi Hồng Lam	06/9/2011	Tày	Nữ	Nà Phặc, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
20	HH50035	Hoàng Minh Diệp	26/03/2011	Nùng	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Hình họa	Bố cục	Tổng điểm	Trúng tuyển
21	HH50036	Nông Thị Quỳnh Hương	14/03/2011	Nùng	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	5,0	5,5	10,5	TT
22	HH50037	Lê Trung Kiên	18/10/2011	Nùng	Nam	Phục Hòa, Cao Bằng	5,0	5,5	10,5	TT
23	HH50038	Đàm Mai Anh	25/11/2011	Tày	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	5,0	6,0	11,0	TT
24	HH50039	Vương Thùy Linh	19/12/2011	Nùng	Nữ	Xã Bế Văn Đàn, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
25	HH50040	Nông Hà An	13/06/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
26	HH50041	Nông Minh Thư	20/11/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
27	HH50042	Vũ Hoàng Khánh Ngân	15/10/2011	Nùng	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
28	HH50044	Hoàng Thủy Tiên	25/10/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	5,0	5,5	10,5	TT
29	HH50045	Hoàng Thị Kim Ngọc	01/01/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	5,5	12,0	TT
30	HH50046	La Tuyết Nhi	05/9/2011	Tày	Nữ	Đoài Dương, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
31	HH50047	Nông Thị Hồng Nhung	02/8/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
32	HH50048	Lương Thị Thu Ngân	09/8/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
33	HH50049	Hoàng Thị Quỳnh Nha	20/05/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,5	5,0	10,5	TT
34	HH50050	Nông Hà Thảo Linh	26/9/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
35	HH50051	Hoàng Thị Mỹ Dung	08/02/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	5,5	5,5	11,0	TT
36	HH50052	Giáp Văn Mến	07/07/2011	Dao	Nam	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
37	HH50053	Hoàng Thị Ngọc Anh	20/09/2010	Cao Lan	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
38	HH50054	Dương Minh Tú	11/12/2011	Tày	Nam	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
39	HH50055	Lê Thị Ngọc Cúc	28/08/2011	Kinh	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
40	HH50056	Triệu Anh Vinh	28/02/2011	Tày	Nam	Phường Linh Sơn, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
41	HH50057	Lê Thị Mai Hoa	16/07/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
42	HH50058	Nguyễn Ngọc Diệp	15/02/2010	Tày	Nữ	Tam Thanh, Lạng Sơn	8,5	7,5	16,0	TT
43	HH50059	Đoàn Trọng Quân	14/08/2009	Tày	Nam	Thục Phán, Cao Bằng	7,5	7,5	15,0	TT
44	HH50060	Nông Đàm Hưng	03/05/2007	Tày	Nam	Đức Long, Cao Bằng	7,0	6,0	13,0	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Hình họa	Bố cục	Tổng điểm	Trúng tuyển
45	HH50061	Triệu Chí Đông	16/12/2011	Dao	Nam	Hiệp Lực, Tỉnh Thái Nguyên.	6,0	6,0	12,0	TT
46	HH50062	Vũ Thị Trà My	06/12/2010	Kinh	Nữ	Tích Lương, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
47	HH50063	Lã Thị Phương Thảo	18/01/2010	Tày	Nữ	Đức Xuân, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
48	HH50064	Nguyễn Xuân Tình	29/12/2011	Kinh	Nam	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
49	HH50065	Bùi Thị Minh Phương	31/07/2008	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	8,0	8,5	16,5	TT
50	HH50066	Vũ Đức Hiệu	22/09/2011	Kinh	Nam	Kha Sơn, Thái Nguyên	5,5	6,0	11,5	TT
51	HH50067	Chu Anh Vân	04/12/2011	Nùng	Nữ	Linh Sơn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
52	HH50068	Phan Minh Anh Kiệt	23/06/2011	Kinh	Nam	Quan Triều, Thái Nguyên	5,5	6,0	11,5	TT
53	HH50069	Trần Hồng Vân	20/01/2011	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
54	HH50070	Trần Mai Lan	19/11/2011	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
55	HH50071	Phan Anh Đức	20/09/2011	Kinh	Nam	Bách Quang, Thái Nguyên	7,0	6,0	13,0	TT
56	HH50072	Trần Nguyên Giang	22/10/2011	Kinh	Nữ	Yên Sờ, Hà Nội	7,0	7,0	14,0	TT
57	HH50073	Mê Nguyễn Hạ Vy	24/02/2011	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	8,0	7,5	15,5	TT
58	HH50074	Mai Thị Nhã	14/08/2011	Tày	Nữ	Phú Thịnh, Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
59	HH50075	Trần Phương Thảo	17/05/2011	Tày	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT

LẬP BIỂU

(Signature)

Đặng Anh Tú

THƯ KÝ

(Signature)

Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính - Mã ngành : 5480212

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Hình họa	Bố cục	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	VM50001	Lê Hà My	21/12/2011	Kinh	Nữ	Quan Triều, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
2	VM50002	Hà Diễm Như	18/05/2011	Tày	Nữ	Bằng Lũng, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
3	VM50004	La Hương Giang	27/10/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
4	VM50006	Nguyễn Thị Hồng Mây	30/08/2011	Tày	Nữ	Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
5	VM50007	Nguyễn Minh Quân	05/01/2011	Kinh	Nam	Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
6	VM50008	Nguyễn Anh Phúc	11/09/2010	Kinh	Nam	Gia Sàng, Thái Nguyên	8,0	8,0	16,0	TT
7	VM50009	Lương Như Quỳnh	25/8/2011	Tày	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	5,0	6,0	11,0	TT
8	VM50010	Hà Kiều Vy	02/8/2011	Tày	Nữ	Vân Tùng, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
9	VM50011	Bàn Ngân Hà	19/11/2011	Dao	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
10	VM50012	Hoàng Thị Dung Nhi	16/10/2011	Nùng	Nữ	Xã Vĩnh Thông, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
11	VM50013	Chu Thị Thanh Trúc	26/02/2011	Tày	Nữ	Bằng Vân, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
12	VM50014	Lục Khánh Thi	24/10/2011	Tày	Nữ	Nà Phắc, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
13	VM50015	Triệu Thùy Yến	24/10/2011	Tày	Nữ	Bằng Vân, Thái Nguyên	6,0	5,0	11,0	TT
14	VM50016	Long Mai Hoa	17/11/2011	Nùng	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	5,0	6,0	11,0	TT
15	VM50017	Phan Gia Hân		Nùng	Nữ	Phục Hòa, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
16	VM50018	Đoàn Thị Hải Yến	09/08/2011	Tày	Nữ	Xã Bé Văn Dàn, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
17	VM50019	Hoàng Thị Thu Hoài	19/05/2011	Nùng	Nữ	Xã Bé Văn Dàn, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
18	VM50020	Hứa Thị Niềm	02/10/2011	Nùng	Nữ	Xã Bé Văn Dàn, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
19	VM50021	Lục Thị Kim Ngân	26/11/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
20	VM50022	Nông Thanh Thảo	01/9/2011	Nùng	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
21	VM50023	Tô Nông Quang Huy	01/12/2011	Tày	Nam	Trùng Khánh, Cao Bằng	* 5,0	5,0	10,0	TT
22	VM50024	Hoàng Thị Ngọc Yến	28/01/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,0	5,0	10,0	TT
23	VM50025	Nông Thảo My	03/10/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,5	5,0	10,5	TT
24	VM50026	Nguyễn Thanh Hà	25/11/2011	Sán Diu	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Hình ảnh	Bố cục	Tổng điểm	Trúng tuyển
25	VM50027	Nguyễn Bảo Nhi	13/09/2010	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
26	VM50028	Bàn Bàn Lượng	17/03/2011	Dao	Nam	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,0	5,0	10,0	TT
27	VM50029	Hứa Gia Anh	15/12/2011	Nùng	Nam	Quán Triều, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
28	VM50030	Nguyễn Ngọc Hân	18/02/2011		Nữ	Quán Bạ, Tuyên Quang	8,5	8,0	16,5	TT
29	VM50031	Lênh Thảo Nhi	16/03/2011	Tày	Nữ	Quán Bạ, Tuyên Quang	7,5	7,0	14,5	TT
30	VM50032	Viên Ngọc Diệp	15/09/2011	Tày	Nữ	Quán Bạ, Tuyên Quang	6,0	6,5	12,5	TT
31	VM50033	Nguyễn Thanh Hải	04/08/2011	Kinh	Nam	Quán Bạ, Tuyên Quang	5,0	6,0	11,0	TT
32	VM50034	Sùng Nguyễn Bảo Ngọc	21/01/2011	Mông	Nữ	Quán Bạ, Tuyên Quang	8,0	7,5	15,5	TT
33	VM50035	Nguyễn Thị Mai Duyên	28/08/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
34	VM50036	Nguyễn Mạnh Tài	06/11/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
35	VM50037	Nguyễn Bảo Trâm	03/11/2011	Sán Diu	Nữ	An Khánh, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
36	VM50038	Trương Ái Phương	11/03/2011	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	5,5	6,0	11,5	TT
37	VM50039	Hà Ánh Thư	26/07/2011	Tày	Nữ	Quyết Thắng, Thái Nguyên	7,0	6,5	13,5	TT
38	VM50040	Nguyễn Đoàn Thanh	13/12/2011	Thái	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,0	8,0	15	TT
39	VM50041	Lê Thị Khánh Ngọc	10/05/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	8,0	7,5	15,5	TT
40	VM50042	Nguyễn Gia Bảo	25/04/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	7,5	7,5	15	TT
41	VM50043	Nguyễn Ngọc Huyền Nhi	04/03/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
42	VM50044	Nguyễn Bảo Trâm	03/11/2011	Sán Diu	Nữ	An Khánh, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT

LẬP BIỂU

THỦ KÝ

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH







Đặng Anh Tú

Nguyễn Thị Yến Nga

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Văn Hóa Văn Nghệ Quần Chúng - Mã ngành : 5210236

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Họ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	QC50001	Hoàng Kim Thủy	26/12/2011	Mông	Nữ	Vô Tranh, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
2	QC50002	Nông Minh Hạo	11/10/2011	Tày	Nam	Trảng Định, Lạng Sơn	6,0	6,0	12,0	TT
3	QC50003	Lâm Nhật Hào	05/05/2011	Tày	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
4	QC50004	Đào Văn Khánh	25/04/2011	Mông	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
5	QC50005	Hoàng Nguyên Thành	12/7/2011	Mông	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
6	QC50006	Nông Bích Diệp	13/04/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
7	QC50007	Chạo Thị Muội	06/01/2011	Mông	Nữ	Xã Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,5	TT
8	QC50008	Mã Thị Thu Hương	25/06/2011	Tày	Nữ	Xã Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,0	TT
9	QC50009	Dương Chí Cường	15/04/2011	Mông	Nam	Xã Nam Cường, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,5	TT
10	QC50010	Ngô Hải Hà	12/5/2011	Tày	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,5	6,5	12,0	TT
11	QC50011	Nông Minh Quân	08/07/2011	Tày	Nam	Xã Nam Cường, Thái Nguyên	6,5	6,0	13,0	TT
12	QC50012	Hoàng Xuân Bé	25/8/2011	Mông	Nam	Xã Nà Phặc, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,5	TT
13	QC50013	Nguyễn Phương Thúy	10/12/2011	Nùng	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
14	QC50014	Hà Thanh Trúc	07/9/2011	Nùng	Nữ	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	12,0	TT
15	QC50015	Lương Thủy Hà	08/05/2012	Mông	Nữ	Thượng Quan, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
16	QC50016	Chu Lê Bảo Nam	13/6/2011	Nùng	Nam	Phục Hòa, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
17	QC50017	Nông Tuệ Minh	05/08/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
18	QC50018	Nguyễn Vũ Trung	02/01/2011	Kinh	Nam	Thục Phán, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
19	QC50019	Nguyễn Quang Hưng	18/04/2011	Kinh	Nam	Phúc Thuận, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
20	QC50020	Nguyễn Thị Phương	02/05/2011	Kinh	Nữ	Võ Nhai, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
21	QC50021	Lê Minh Phương	03/10/2011	Tày	Nữ	Võ Nhai, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
22	QC50022	Võ Thị Sao	03/11/2011	Xơ Đăng	Nữ	Võ Nhai, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
23	QC50023	Nguyễn Thành Nhân	26/05/2011	Tày	Nam	Trung Hội, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
24	QC50024	Phạm Ngọc Mai	10/03/2011	Tày	Nữ	Minh Xuân, Tuyên Quang	6,0	6,0	12,0	TT
25	QC50025	Trương Thị Vinh	28/06/2011	Mông	Nữ	Trà Lĩnh, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
26	QC50026	Nguyễn Minh Khánh	23/01/2011	Nùng	Nam	Quyết Thắng, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Họ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
27	QC50027	Chiều Mùi Và	11/01/2011	Dao	Nữ	Cô Ba, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
28	QC50028	Dương Tuấn Anh	05/05/2011	Mông	Nam	Tri Phú, Tuyên Quang	6,5	6,5	13,0	TT
29	QC50029	Lâu Minh Hải	20/06/2011	Mông	Nam	Tri Phú, Tuyên Quang	6,0	6,0	12,0	TT
30	QC50030	Lý Văn Đức	27/12/2011	Mông	Nam	Nguyễn Huệ, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
31	QC50031	Triệu Thị Mai	16/10/2011	Dao	Nữ	Nghiêm Loan, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
32	QC50032	Lù Văn Huy	10/08/2011	Mông	Nam	Nam Cường, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
33	QC50033	Hoàng Thị Thanh Trúc	24/12/2011	Mông	Nữ	Hùng Lợi, Tuyên Quang	6,0	6,0	12,0	TT
34	QC50034	Chang Po Chùa	29/07/2008	Mông	Nam	Pu Sam Cáp, Lai Châu	6,5	6,5	13,0	TT
35	QC50035	Dương Trần Khánh Phương	20/12/2010	Kinh	Nữ	Quang Trung, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
36	QC50036	Ngô Quang Thiên	24/12/2011	Mông	Nam	La Hiên, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
37	QC50037	Đào Văn Mái	26/10/2009	Mông	Nam	La Hiên, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
38	QC50038	Triệu Trôi Cản	27/06/2011	Dao đỏ	Nam	Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	6,0	6,5	12,5	TT
39	QC50039	Lý Thị Hải Yến	01/12/2011	Dao	Nữ	Bắc Kạn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
40	QC50040	Vừ Tuấn Hải	07/11/2011	Nùng	Nam	Sà Phìn, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
41	QC50041	Vừ Thị Dưa	15/01/2011	Mông	Nữ	Sà Phìn, Tuyên Quang	6,0	6,0	12,0	TT
42	QC50042	Nguyễn Xuân Bách	22/01/2011	Kinh	Nam	Linh Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
43	QC50043	Lý Thị Huyền Trang	03/04/2011	Dao	Nữ	Đồng Phúc, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
Ngành : Nghệ Thuật Biểu Diễn Dân Ca - Mã ngành : 5210202

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	DC50001	Triệu Bảo Ngọc	24/10/2011	Dao	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
2	DC50002	Triệu Thị Hạnh	07/02/2011	Dao	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,0	6,5	12,5	TT
3	DC50003	Nông Hoàng Linh	13/01/2011	Tày	Nữ	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
4	DC50004	Nông Tuyết Nga	08/10/2011	Tày	Nữ	Đồng Phúc, tỉnh Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
5	DC50005	Nông Thị Cúc	20/01/2011	Tày	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
6	DC50006	Mã Hoàng Khánh	01/8/2011	Nùng	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,5	7,5	14,0	TT
7	DC50007	Chu Thị Mai Sao	09/03/2011	Tày	Nữ	Quảng Bạch, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
8	DC50008	Nông Viêt Toàn	04/02/2011	Tày	Nam	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
9	DC50009	Phạm Phương Anh	14/05/2011	Kinh	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
10	DC50010	Nông Kỳ Vọng	24/01/2011	Tày	Nam	Trùng Khánh, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
11	DC50011	Nông Thị Bảo Chi	01/08/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
12	DC50012	Hà Khánh Thi	07/10/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
13	DC50013	Triệu Thị Minh Huệ	13/04/2010	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
14	DC50014	Đàm Thánh Chi	26/8/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
15	DC50015	Lục Yến Nhi	02/01/2011	Tày	Nữ	Trùng Khánh, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
16	DC50016	La Anh Thơ	02/05/2011	Tày	Nữ	Đàm Thủy, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
17	DC50017	Đồng Gia Nhật	03/07/2011	Tày	Nam	Xã Vũ Lễ, Lạng Sơn	5,5	5,5	11,0	TT
18	DC50018	Đàm Phúc Trung	05/04/2011	Dao	Nam	Xã Tân Kỳ, tỉnh Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
19	DC50019	Vũ Phương Thảo	27/11/2011	Kinh	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
20	DC50020	Hà Hoài Vũ	01/12/2011	Tày	Nữ	Dân Tiến, Thái Nguyên	5,5	5,5	11,0	TT
21	DC50022	Đỗ Hồng Ngọc	23/04/2011	Tày	Nữ	Bắc Quang, Tuyên Quang	6,5	7,0	13,5	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
22	DC50023	Bàn Hữu Khánh	02/09/2011	Tày	Nam	Tân Kỳ, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT
23	DC50024	Bé Hồng Thắm	01/06/2010	Tày	Nữ	Bảo Lạc, Cao Bằng	5,5	5,5	11,0	TT
24	DC50025	Phan Hà Lưu	31/03/2010	Nùng	Nam	Trùng Khánh, Cao Bằng	5,5	5,5	11,0	TT
25	DC50026	Lý Hải Yến	30/4/2011		Nữ	Độc Lập, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
26	DC50027	Nông Thị Phương Anh	15/10/2011	Nùng	Nữ	Độc Lập, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
27	DC50028	Mông thị Hạnh Nguyên	29/09/2011	Tày	Nữ	Bảo Lạc, Cao Bằng	8,5	8,5	17,0	TT
28	DC50029	Vi Kiều Trang	20/12/2011	Nùng	Nữ	Khánh Xuân, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
29	DC50030	Hoàng Thanh Tùng	26/10/2011	Tày	Nam	Đình Phong, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
30	DC50031	Nông Duy Khiêm	29/05/2011	Tày	Nam	Đình Phong, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU

THƯ KÝ

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đặng Anh Tú



Nguyễn Thị Yên Nga



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
 Ngành : Biên Tập Dân Dựng Ca Múa Nhạc - Mã ngành : 5210229

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu	Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	BT50001	Hoàng Thu Thảo	03/06/2011	Mông	Nữ	Xã Hiệp Lực, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
2	BT50002	Triệu Thu Hà	25/02/2011	Dao	Nữ	Xã Hiệp Lực, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
3	BT50003	Lý Thị Hải Yến	01/12/2011	Dao	Nữ	Phường Bắc Kạn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
4	BT50004	Dương Khánh Linh	03/09/2011	Dao	Nữ	Tân Khánh, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
5	BT50005	Phàn Thị Kim Huệ	28/07/2011	Dao	Nữ	Hà Giang, Tuyên Quang	6,5	6,5	13,0	TT
6	BT50006	Đặng Thành Tâm	25/03/2011	Kinh	Nữ	Vị Xuyên, Tuyên Quang	6,5	7,0	13,5	TT
7	BT50007	Hoàng A Đình	28/02/2011	Mông	Nam	Sơn Lộ, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
8	BT50008	Lâu A Mù	10/08/2011	Mông	Nam	Sơn Lộ, Cao Bằng	6,5	6,5	13,0	TT
9	BT50009	Triệu Chòi Quyên	01/08/2011	Dao	Nữ	Bảo Lâm, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
10	BT50010	Đặng Ngọc Minh	11/07/2011	Kinh	Nam	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
11	BT50011	Đặng Thị Hồng	28/06/2011	Kinh	Nữ	Trại Cau, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
12	BT50012	Đào Duy Tùng	28/09/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,0	7,0	13,0	TT
13	BT50013	Nguyễn Đặng Bảo Anh	22/04/2011	Kinh	Nữ	Gia Sàng, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
14	BT50014	Lý Thị Bén	01/07/2011	Mông	Nữ	Nậm Nhũng, tỉnh Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
15	BT50015	Dương Thị Tuyết Mai	12/05/2011	Tày	Nữ	Vị Xuyên, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
16	BT50016	Đinh Bảo Hân	19/03/2011	Tày	Nữ	Hiệp Lực, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
17	BT50017	Lý Văn Di	25/06/2011	Mông	Nam	Phan Thanh, Cao Bằng	7,0	6,5	13,5	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Hướng Dẫn Du Lịch - Mã ngành : 5810103

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	DL50001	Đỗ Thảo Linh	29/09/2009	Sán Dìu	Nữ	Văn Lang, Thái Nguyên	7,1	7,5	14,6	TT
2	DL50002	Đào Văn Thái	17/01/2011	Mông	Nam	Thượng Quan, Thái Nguyên	5,6	5,2	10,8	TT
3	DL50003	Dương Văn Dũng	23/9/2008	Mông	Nam	Thượng Quan, Thái Nguyên	5,6	5,7	11,3	TT
4	DL50004	Hoàng Thị Cẩm Ly	25/03/2011	Tày	Nữ	Đình Phong, tỉnh Cao Bằng	5,4	6,2	11,6	TT
5	DL50005	Nguyễn Tú Anh	25/10/2011	Kinh	Nữ	Túc Duyên, Thái Nguyên	6,5	8,3	14,8	TT
6	DL50006	Nông Hoàng Bảo Thi	09/05/2011	Tày	Nữ	Cần Yên, Cao Bằng	5,4	6,2	11,6	TT
7	DL50007	Lương Thị Ánh	06/08/2011	Nùng	Nữ	Thông Nông, Cao Bằng	6,6	7,5	14,1	TT
8	DL50008	Nguyễn Thanh Mai	12/10/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	5,7	7,5	13,2	TT
9	DL50009	Tô Anh Tuấn	15/10/2009	Hoa	Nam	An Khánh, Thái Nguyên	Đã có bằng TN			TT
10	DL50010	Hoàng Trần Trung Hiếu	02/05/2011	Nùng	Nam	Thục Phán, Cao Bằng	7,0	5,0	12,0	TT
11	DL50011	Dương Minh Trung	18/10/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	5,0	6,3	11,3	TT
12	DL50012	Đàm Thị Như Quỳnh	24/09/2011	Tày	Nữ	Bạch Thông, Thái Nguyên	6,1	6,8	12,9	TT
13	DL50013	Nguyễn Đình Toàn	09/05/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	5,5	7,2	12,7	TT
14	DL50014	Nguyễn Tố Mai	17/10/2011	Kinh	Nữ	Minh Xuân, Tuyên Quang	5,9	6,9	12,8	TT
15	DL50015	Nguyễn Lâm Tùng	14/02/2011	Kinh	Nam	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	4,5	6,6	11,1	TT
16	DL50016	Nguyễn Thùy Linh	29/05/2011	Kinh	Nữ	Tân Cương, Thái Nguyên	7,2	7,9	15,1	TT
17	DL50017	Trần Nhật Minh	04/01/2011	Tày	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	6,5	7,0	13,5	TT
18	DL50018	Lê Vũ Quỳnh Trang	26/09/2010	Kinh	Nữ	Quán Triều, Thái Nguyên	6,2	7,1	13,3	TT
19	DL50019	Đinh Thị Thúy Hà	29/11/2011	Kinh	Nữ	Đức Xuân, Thái Nguyên	6,5	7,3	13,8	TT
20	DL50020	Giảng A Chiến	06/10/2011	Mông	Nam	Sơn Lộ, Cao Bằng	5,1	4,9	10,0	TT
21	DL50021	Nguyễn Bích Phương	30/08/2011	Kinh	Nữ	Thịnh Đán, Thái Nguyên	5,3	6,4	11,7	TT
22	DL50022	Vy Quang Mạnh	13/12/2011	Nùng	Nam	Yên Phong, Thái Nguyên	5,2	7,0	12,2	TT
23	DL50023	Ngô Gia Phong	31/05/2011	Dao	Nam	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	6,5	6,8	13,3	TT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Họ khẩu	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Tổng điểm	Trúng tuyển
24	DL50024	Miêu Kiều Oanh	03/08/2011	Sán Dìu	Nữ	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	5,6	5,7	11,3	TT
25	DL50025	Phùng Thanh Phương	10/12/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái nguyên	6,5	7,7	14,2	TT
26	DL50026	Lờ Mí Nô	12/11/2011	Mông	Nam	Đồng Văn, Tuyên Quang	6,1	6,6	12,7	TT
27	DL50027	Tiêu Duy Quang	13/09/2010	Kinh	Nam	Hương Sơn, Thái Nguyên	6,3	6,7	13,0	TT
28	DL50028	Cao Ngọc Đạt	02/04/2011	Kinh	Nam	Tích Lương, Thái Nguyên	6,5	7,8	14,3	TT
29	DL50029	Đàm Thị Như Quỳnh	24/09/2011	Tày	Nữ	Cầm Giàng, Thái Nguyên	6,1	6,8	12,9	TT
30	DL50030	Hoàng Thị Mai	09/04/2011	Mông	Nữ	Hồng Thái, Tuyên Quang	6,4	6,8	13,2	TT
31	DL50031	Vàng Thị Kìa	30/08/2011	Mông	Nữ	Đồng Văn, Hà Giang	6,0	6,2	12,2	TT
32	DL50032	Lương Kim Ánh	07/11/2011	Tày	Nữ	Đình Phong, Cao Bằng	6,9	6,1	13,0	TT
33	DL50033	Nguyễn Trần Thu Phương	11/01/2011	Kinh	Nữ	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	6,1	7,2	13,3	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU

THƯ KÝ

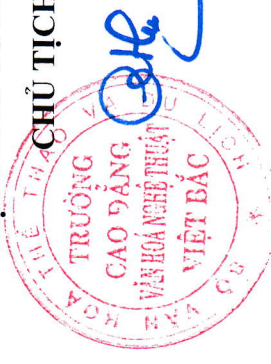
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đặng Anh Tú



Nguyễn Thị Yến Nga



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

Số: 294 /QĐ-CĐNTVB

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năm 2026

Trình độ Cao đẳng - đợt 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 của Trường CĐ VHNT Việt Bắc;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-CĐNTVB ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2026 của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc;

Căn cứ vào kết quả họp Hội đồng tuyển sinh ngày 01/06/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 43 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năm 2026, đợt 1, trình độ cao đẳng tại Trường CĐ VHNT Việt Bắc gồm các ngành sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số thí sinh trúng tuyển
1.	Thanh nhạc	6210225	22
2.	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	6210216	01
3.	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	6210217	02
4.	Piano	6210221	01
5.	Quản lý văn hóa	6340436	17
Tổng:			43

(Có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thí sinh trúng tuyển có quyền lợi và trách nhiệm được quy định tại quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc.

Điều 3. Trưởng phòng ĐT, QLKH&ĐBCLGD, Trưởng phòng HCTH, Trưởng phòng CTHSSV, Trưởng các khoa chuyên môn và các thí sinh có tên tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐKĐ, ĐAT.9.



Trần Quang Hưng



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Thanh nhạc - Mã ngành : 6210225

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Điểm Thanh Nhạc	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	TN60001	Ngô Đức Việt	17/11/2008	Kinh	Nam	Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum	6,5	6,5	13,0	TT
2	TN60002	Đặng Quốc Huy	31/03/2008	Kinh	Nam	Yên Thủy, Phú Thọ	6,5	6,5	13,0	TT
3	TN60003	Nguyễn Anh Minh	13/08/2008	Tày	Nam	Thục Phán, Cao Bằng	6,0	6,0	13,0	TT
4	TN60004	Phạm Quang Huy	16/01/2007	Kinh	Nam	Xã Yên Tử, Ninh Bình	6,5	6,5	14,0	TT
5	TN60005	Giảng Thị Quỳnh Chi	15/02/2008	Mông	Nữ	Sư Ma Cai, Lào Cai	7,0	7,0	13,0	TT
6	TN60006	Trương Công Minh	25/03/2008	Kinh	Nam	Xuân Du, Thanh Hoá	6,5	6,5	13,0	TT
7	TN60007	Dương Thị Lan Hương	18/11/2007	Kinh	Nữ	Kha Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,5	TT
8	TN60008	Nguyễn Thùy Linh	30/09/2008	Kinh	Nữ	Phổ Yên, Thái nguyên	7,0	6,5	13,0	TT
9	TN60009	Đỗ Phương Anh	17/07/2008	Kinh	Nữ	Phúc Thuận, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
10	TN60010	Lương Thị Quỳnh Trang	16/12/2008	Kinh	Nữ	Quảng Uyên, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
11	TN60011	Vàng Thị Liên	19/07/2005	Kinh	Nữ	Cao Minh, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
12	TN60012	Đàm Lê Trường	11/06/2008	Kinh	Nam	La Bằng, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
13	TN60013	Đặng Như Quỳnh	03/07/2005	Tày	Nữ	Trung Sơn, Tuyên Quang	6,0	7,0	13,0	TT
14	TN60014	Lương Ngọc Điều	08/02/2004	Thái	Nam	Thường Xuân, Thanh Hóa	6,5	6,5	13,0	TT
15	TN60015	Lý Thu Hiền	08/12/2008	Tày	Nữ	Chợ Rã, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
16	TN60016	Nông Đức Vượng	26/03/2008	Tày	Nam	Vị Xuyên, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
17	TN60017	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	27/01/2008	Kinh	Nữ	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
18	TN60018	Vũ Tuyết Ngân	01/04/2007	Tày	Nữ	PDĐP, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
19	TN60019	Nông Bảo Hưng	21/06/2008	Tày	Nam	Xã Trường Hà, Tỉnh Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
20	TN60020	Phạm Ngọc Đăng	29/02/2008	Kinh	Nam	Ngõ 323, Xuân Đình, Hà Nội	7,0	7,0	14,0	TT
21	TN60021	La Văn Cao	25/07/2008	Kinh	Nam	Ngân Sơn, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
22	TN60022	Giảng Minh Tiên	29/08/2008	Mông	Nam	Thuận Hòa, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU

THƯ KÝ

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH







PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

Đặng Anh Tú

Nguyễn Thị Yên Nga

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
Ngành : Biểu diễn nhạc cụ Truyền thống - Mã ngành: 6210216

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Chuyên môn	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	TT60001	Nguyễn Hoàng Nam	14/06/2005	Tày	Nam	Tân Thành, Thái Nguyên	7,0	7,5	14,5	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THỦ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
Ngành: Biểu diễn nhạc cụ phương Tây - Mã ngành: 6210217

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Chuyên môn	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	PT60001	Đỗ Nguyễn Quang Anh	11/12/2007	Kinh	Nam	Quyết Thắng, Thái Nguyên	6,5	6,5	13,0	TT
2	PT60002	Nguyễn Văn Kim	27/01/2008	Kinh	Nam	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	7,0	6,5	13,5	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Yên Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC
Ngành: Piano - Mã ngành: 6210221

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Họ khẩu	Tiết tấu Cao độ	Chuyên môn	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	PI60001	Dương Thị Phương Thảo	20/04/2006	Tày	Nữ	Sơn Động, Bắc Ninh	8,0	7,0	15,00	TT

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THƯ KÝ

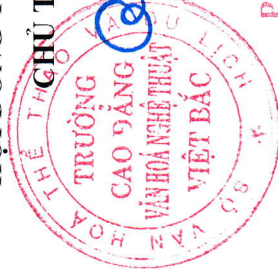


Nguyễn Thị Yến Nga

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2026
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT BẮC

Ngành : Quản Lý Văn Hóa - Mã ngành : 6340436

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Hộ khẩu	Điểm Tiết tấu	Điểm Cao độ	Tổng điểm	Trúng tuyển
1	QL60001	Trần Đức Hoàng	29/11/2003	Kinh	Nam	Quan Triều, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
2	QL60002	Ngô Đức Mạnh	02/08/2008	Mông	Nam	Võ Nhai, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
3	QL60003	Vừ Văn Dương	02/10/2008	Mông	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
4	QL60004	Lý Anh Tuấn	22/01/2007	Dao	Nam	Chợ Đồn, Thái Nguyên	6,0	6,0	12,0	TT
5	QL60005	Hầu Thuyết Bền	18/10/2008	Mông	Nam	Hà Quảng, Cao Bằng	7,0	7,0	14,0	TT
6	QL60006	Nguyễn Sỹ Tuấn	01/03/2008	Tày	Nam	Thục Phán, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
7	QL60007	Đàm Thị Hải Yến	23/07/2008	Nùng	Nữ	Bé Văn Đàn, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
8	QL60008	Hoàng Văn Bằng	25/10/2006	Mông	Nam	Nguyễn Bình, Cao Bằng	6,0	6,0	12,0	TT
9	QL60009	Thào Mí Cáy	15/02/2005	Mông	Nam	Lũng Phìn, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
10	QL60010	Hoàng Văn Hiếu	23/10/2008	Hoa	Nam	Chợ Mới, Thái Nguyên	6,5	6,0	12,5	TT
11	QL60011	Triệu Thị Huyền	19/07/2007	Kinh	Nữ	Xuân Dương, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
12	QL60012	Trịnh Yến Nhi	15/10/2008		Nữ	Nà Phặc, Thái Nguyên	7,0	7,0	14,0	TT
13	QL60013	Lý Mí Nô	12/04/2008	Mông	Nam	Sà Phìn, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT
14	QL60014	Nông Ngọc Sơn	07/02/2008	Nùng	Nam	Định Hóa, Thái Nguyên	7,5	7,5	15,0	TT
15	QL60015	Trương Vũ Gia Bảo	11/05/2008	Kinh	Nam	Gia Sàng, Thái Nguyên	7,5	7,0	14,5	TT
16	QL60016	Cầm Khắc Tùng	10/10/2008	Thái	Nam	Chiềng Khương, Sơn La	7,0	7,0	14,0	TT
17	QL60017	Nguyễn Tiến Sĩ	10/08/2008	Kinh	Nam	Vị Xuyên, Tuyên Quang	7,0	7,0	14,0	TT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 6 năm 2026

LẬP BIỂU



Đặng Anh Tú

THỦ KÝ



Nguyễn Thị Yến Nga

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Quang Hưng